

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2017/HSST

Ngày: 12/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thử**

Nghề nghiệp: cán bộ

Nơi công tác: Hội nông dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

2. Ông **Thạch Rích**

Nghề nghiệp: cán bộ

Nơi công tác: Phòng Dân tộc huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Đinh Quốc Thanh** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Hải Bằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2016/HSST, ngày 20 tháng 6 năm 2016 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Minh N**, sinh năm 1977; Giới tính: nam; Nơi đăng ký thường trú: Đường S, tổ 2, khóm P, phường S, thành phố Đ, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Tài xế lái xe; Con ông Phạm Văn A, sinh năm 1930 (chết) và bà Trần Thị Y, sinh năm 1942 (sống); Anh, chị em ruột có 06 người (lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1981); vợ: Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1979; Con: có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2002); Tiền án; Tiền sự: không; Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam, kể từ ngày 08/01/2016 đến ngày 03/6/2016, thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ra quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh đến nay (Bị cáo có mặt tại tòa).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Phan Thị S**, sinh năm 1943; đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam, Công an tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Minh N đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Giữa Trần Quang B và Huỳnh Thị Ánh H có mối quan hệ quen biết với nhau tr-ớc đó, nên vào khoảng đầu năm 2014, B đến Sóc Trăng gặp vợ chồng Huỳnh Thị Ánh H và Lê Hiền C (giữa H và C có mối quan hệ là vợ chồng, đã ly hôn, nh-ng vẫn còn sống chung nh- vợ chồng) để trao đổi, bàn tính về việc buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu. Qua nội dung bàn bạc và đi đến thống nhất là B sẽ mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu ở thành phố Đ, tỉnh An Giang, sau đó sử dụng ph-ơng tiện là xe ô tô tải vận chuyển đến Sóc Trăng để bán lại cho H và C.

Sau đó, B về An Giang rủ Nguyễn Minh H1 và Lê Hoàng T cùng tham gia hùn vốn mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu và mua xe ô tô tải để dùng làm ph-ơng tiện vận chuyển thuốc lá đến Sóc Trăng bán lại cho H và C, thì H1 và T đồng ý hùn mỗi ng-ời với số tiền 80.000.000đ, riêng B thì hùn số tiền 30.000.000đ, nh-ng với điều kiện là B sẽ ra công trực tiếp điều khiển xe vận chuyển thuốc lá đến Sóc Trăng để bán cho H và C (do số tiền hùn vốn của B ít hơn so với H1 và T), sau khi thu đ-ợc lợi nhuận thì chia đều cho B, H1 và T.

Đến khoảng tháng 02 năm 2014, B và H1 đến Sóc Trăng gặp H và C bàn bạc, thỏa thuận giá cả mua bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu và sau đó B, H1 mua của H và C xe ô tô tải BKS: 57K-3271 với số tiền 140.000.000đ để làm ph-ơng tiện vận chuyển thuốc lá. Sau khi mua xe ô tô tải nói trên, B đến thành phố Hồ Chí Minh xin làm thủ tục đăng ký lại BKS: 51C- 407.04. Tiếp đó, B, H1 và T thuê Lê Huỳnh P và Nguyễn Văn H2 vận chuyển thuốc lá từ An Giang đến Sóc Trăng để bán lại cho H và C. Còn Lê Hiền C thì rủ Lê Hiền P (con của C và Ánh H), Lê Thanh H3 (cháu của C) tham gia giúp sức trong việc mua thuốc lá của B, chất thuốc lá vào bao và vận chuyển lên xe để H và C chở đi bán lại cho ng-ời khác.

Sau đó, Nguyễn Minh H1 đến gặp Nguyễn Trần H4 (do H1 và H4 có mối quan hệ quen biết với nhau tr-ớc đó) để bàn bạc, thỏa thuận mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu của H4. Qua trao đổi đi đến thống nhất H4 sẽ bán thuốc lá cho H1, B và T và địa điểm giao dịch buôn bán tại bờ kênh Vĩnh Tế, thuộc khu vực ph-òng S, thành phố Đ, tỉnh An Giang. Sau khi mua thuốc lá của H4, thì H1, B, T và P, H cùng nhau vận chuyển đến bãi xe Cây Me của Phan Thị S ở ph-òng S, thành phố Đ, tỉnh An Giang để chất thuốc vào hầm xe tải rồi B, P và H điều khiển chở thuốc lá đến Sóc Trăng bán cho ánh H và C.

Đến khoảng tháng 5 năm 2014, bà Phan Thị S xin hùn vốn với số tiền 168.000.000đ cùng với H1, B và T mua một xe ô tô tải BKS: 68H-2168 để tiếp tục thực hiện hành vi buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu. H1, B, T và S thuê thêm bị can Trần Minh N để lái xe vận chuyển thuốc lá từ An Giang đến Sóc Trăng bán lại cho ánh H và C (do Trần Minh N và Phan Thị S có mối quan hệ quen biết nhau tr-ớc đó, nên Phan Thị S giới thiệu Trần Minh N vào làm tài xế lái xe thuê). Trong thời gian này, Lê Hiền C còn rủ thêm Nguyễn Quốc D (con của ông Nguyễn Quốc T1) tham gia mở cửa cơ sở sửa xe ô tô của ông T1 để cho xe ô tô vào bên trong giao dịch buôn bán thuốc lá và phụ tiếp chất thuốc lá vào bao cho ánh H và C chở đi bán cho ng-ời khác.

Đến khoảng 02 giờ ngày 11/9/2014, bị cáo Trần Minh N điều khiển xe ô tô tải 51C-407.04 cùng với Lê Huỳnh P vận chuyển 14.000 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu đến giao cho Huỳnh Thị ánh H và Lê Hiền C tại khu đất trống gần nhà của Lê Hiền C tại số 125 đ-ờng T, khóm 1, ph-òng 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi

giao thuốc lá xong, Trần Minh N điều khiển xe ô tô nói trên về đậu tại bãi xe Cây Me của Phan Thị S. Riêng Lê Huỳnh P1 thì ở lại cùng đi với Ánh H và C đến cơ sở sửa xe ô tô của ông Nguyễn Quốc T1 để tiếp tục nhận thuốc lá do Trần Quang B và Nguyễn Văn H2 vận chuyển từ An Giang đến giao bán cho ánh H và C. Đến khoảng 03 giờ 30 cùng ngày, nhận đ-ợc tin báo của quần chúng nhân dân tại cơ sở sửa xe ô tô của ông Nguyễn Quốc T, thuộc khu vực ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, có nhiều đối t-ợng đang thực hiện hành vi giao dịch buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu, nên lực l-ợng công an huyện Châu Thành đã tiến hành kiểm tra hành chính và bắt quả tang đối với các bị cáo: Trần Quang B, Huỳnh Thị ánh H, Lê Hiền C, Lê Thanh H3, Lê Hiền P, Lê Huỳnh P1, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Quốc D đang thực hiện hành vi vận chuyển, buôn bán hàng cấm, cùng tang vật là 29.940 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu (trong đó: Nhãn hiệu HERO 14.940 bao, nhãn hiệu JET 8.000 bao, nhãn hiệu SCOTT 7.000 bao) và một số vật chứng có liên quan. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Hiền C tại nhà số 125 đ-ờng T, khóm 1, ph-ờng 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, thu giữ 3.900 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu JET.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Minh N và đồng phạm khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2014 đến ngày 11/9/2014, Trần Quang B, Nguyễn Minh H1, Lê Hoàng T và Phan Thị S đã mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu gồm các nhãn hiệu JET, HERO, SCOTT của Nguyễn Trần H4 rồi thuê Lê Huỳnh P1, Nguyễn Văn H2, Trần Minh N điều khiển xe ô tô tải vận chuyển đến Sóc Trăng bán lại cho Huỳnh Thị ánh H và Lê Hiền C tổng cộng 19 lần, với tổng số l-ợng là 377.940 bao (trong đó Phan Thị S tham gia 07 lần, với tổng số l-ợng là 209.940 bao).

Đối với bị cáo Trần Minh N: Từ khoảng tháng 8 năm 2014 đến ngày 11/9/2014, đã tham gia lái xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-407.04 và xe ô tô tải biển kiểm soát 68H-2168 vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu thuê cho Nguyễn Minh H1, Trần Quang B, Lê Hoàng T và Phan Thị S từ An Giang đến Sóc Trăng giao bán cho Huỳnh Thị ánh H và Lê Hiền C cụ thể nh- sau:

- Đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-407.04: N tham gia vận chuyển 05 chuyến, với số l-ợng mỗi chuyến là 14.000 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu; địa điểm giao thuốc lá cho Huỳnh Thị ánh H và Lê Hiền C là tại khu đất trống gần nhà của Lê Hiền C (số 125 đ-ờng T, khóm 1, ph-ờng 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng). Số tiền công mà H1 và B chi trả cho N là 500.000đ/chuyến. Nh- vậy, tổng số thuốc lá do N tham gia vận chuyển bằng xe ô tô tải 51C-407.04 là 70.000 bao và tổng số tiền công đ-ợc nhận là 2.000.000đ. Riêng chuyến bị bắt quả tang vào ngày 11/9/2014, thì N ch- a nhận đ-ợc tiền công do H1 và B chi trả.

- Đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 68H-2168: N tham gia vận chuyển 05 chuyến, với số l-ợng mỗi chuyến là 30.000 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu; địa điểm giao thuốc lá cho Huỳnh Thị ánh H và Lê Hiền C là tại cơ sở sửa xe ô tô của ông Nguyễn Quốc T1, thuộc khu vực ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Số tiền công mà H1 và B chi trả cho N là 700.000đ/chuyến. Nh- vậy, tổng số thuốc lá do N tham gia vận chuyển bằng xe ô tô tải 68H-2168 là 150.000 bao và tổng số tiền công đ-ợc nhận là 3.500.000đ.

Nh- vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2014 đến ngày 11/9/2014, N đã tham gia lái xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-407.04 và xe ô tô tải biển kiểm soát 68H-2168 vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu gồm các nhãn hiệu JET, HERO và SCOTT từ An Giang đến Sóc Trăng giao cho Huỳnh Thị ánh H và Lê Hiền C tổng

cộng là 10 lần, với số l- ợng là 220.000 bao; đ- ọc H và B chi trả tiền công tổng cộng là 5.500.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 11/9/2014, Trần Minh N đã bỏ trốn khỏi địa ph- ơng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và quyết định truy nã đối với Trần Minh N, về “Tội vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại Khoản 3, Điều 155 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 08/01/2016, thì lực l- ợng công an đã bắt đ- ọc Trần Minh N tại thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định truy nã.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tạm giữ: Một điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số loại N1280 và một sim điện thoại di động nhãn hiệu Vinaphone của bị cáo Trần Minh N.

Đối với những ng- ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm: Trần Quang B, Huỳnh Thị ánh H, Nguyễn Minh H1, Lê Hiền C, Lê Hoàng T, Nguyễn Trần H4, Phan Thị S, Lê Huỳnh P1, Nguyễn Văn H2, Lê Hiền P, Nguyễn Quốc D và Lê Thanh H3: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2015/HSST, ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và bản án hình sự phúc thẩm số 66/2015/HSPT, ngày 06/10/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tuyên xử phạt: Trần Quang B 11 năm 06 tháng tù; Huỳnh Thị ánh H 11 năm tù; Nguyễn Minh H1 10 năm 06 tháng tù; Lê Hiền C 10 năm tù; Lê Hoàng T 09 năm tù; Nguyễn Trần H4 08 năm 06 tháng tù; Phan Thị S 06 năm tù; Lê Hiền P 07 năm tù; Nguyễn Quốc D 05 năm tù và Lê Thanh H3 05 năm tù, về "Tội buôn bán hàng cấm"; xử phạt Lê Huỳnh P 07 năm tù và Nguyễn Văn H1 07 năm tù, về "Tội vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại Khoản 3, Điều 155 Bộ luật Hình sự (các bản án nói trên đã có hiệu lực pháp luật).

Đối với vật chứng của vụ án là 33.840 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu (trong đó gồm: 11.900 bao nhãn hiệu JET, 14.940 bao nhãn hiệu HERO và 7.000 bao SCOTT) đã đ- ọc xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2015/HSST, ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (bản án đã có hiệu lực pháp luật), nên không đặt ra xem xét.

Đối với vật chứng của vụ án là chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-407.04: Vào ngày 11/9/2014, sau khi bị can Trần Minh N điều khiển xe ô tô nói trên từ Sóc Trăng về đậu tại bãi xe Cây Me, rồi N bỏ trốn. Sau đó, Lê Hoàng T đã đem chiếc xe này bán lại cho một thanh niên ở thành phố Đ, tỉnh An Giang (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể), nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng không thu giữ đ- ọc.

Tại cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT, ngày 01/6/2016 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố Trần Minh N về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại khoản 3, Điều 155 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh N phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại Khoản 3, Điều 155 của Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng: Khoản 3, Điều 155; Khoản 1, Điều 25 Bộ luật hình sự; mục 1 của công văn số 154/TANDTC-PC, ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao (về việc xử lý hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán thuốc lá điều nhập lậu trong nội địa), tuyên xử miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Minh N về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại Khoản 3, Điều 155 Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a và b, khoản 1, Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 74; khoản 1 và các điểm a, đ, khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước một điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số loại N1280 và tịch thu tiêu hủy một sim điện thoại di động, nhãn hiệu Vinaphone của bị cáo Trần Minh N. Đồng thời, buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đối với thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam (từ ngày 08/01/2016 đến ngày 03/6/2016) để đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử: Do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi của bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội đến mức phải xử lý hình sự, nên bị cáo đ-ợc miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1, Điều 25 Bộ luật Hình sự, cho nên bị cáo không có quyền khiếu nại về thời gian mà bị cáo đã bị tạm giam.

Lời đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của bị cáo cùng lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thể hiện trong hồ sơ vụ án,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như đã nêu trên, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 191 và Điều 199 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Minh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vì mục đích vụ lợi, nên trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2014 đến ngày 11/9/2014, bị cáo Trần Minh N đã thực hiện hành vi lái xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-407.04 và 68H-2168 thuê cho Nguyễn Minh H1, Trần Quang B, Lê Hoàng T và Phan Thị S để vận chuyển thuốc lá điều ngoại nhập lậu gồm các nhãn hiệu JET, HERO và SCOTT (là loại hàng hóa mà Nhà n-ớc cấm kinh doanh, vận chuyển) từ An Giang đến Sóc Trăng bán lại cho Huỳnh Thị ánh H và Lê Hiền C tổng cộng 10 lần, với tổng số l-ợng là 220.000 bao, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 5.500.000 đồng.

Đối với số lượng thuốc lá điều ngoại nhập lậu mà bị cáo Trần Minh N đã tham gia vận chuyển là thuộc trường hợp số lượng đặc biệt lớn theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 7 Thông tư liên tịch số 36/2012/TTLT-BCT-BCA-BTP-BYT-TANDTC-VKSNDTC, ngày 07/12/2012 của Bộ Công thương, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Minh N đã phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại khoản 3, Điều 155 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, kinh doanh một số loại hàng cấm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Lẽ ra, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc đúng với tội danh và điều luật nêu trên, nhưng để áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ mục 1 của Công văn số 154/TANDTC-PC, ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao (về việc xử lý hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán thuốc lá điều nhập lậu trong nội địa) và khoản 1, Điều 25 Bộ luật Hình sự: quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại Khoản 3, Điều 155 Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số loại N1280 và một sim điện thoại di động, nhãn hiệu Vinaphone: Đây là phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 74; khoản 1 và các điểm a, đ, khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động và tịch thu tiêu hủy đối với sim điện thoại di động nói trên. Ngoài ra, căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 41 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đối với thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam (từ ngày 08/01/2016 đến ngày 03/6/2016) để đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử: Do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi của bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội đến mức phải xử lý hình sự, nên bị cáo đ-ợc miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1, Điều 25 Bộ luật Hình sự, cho nên bị cáo không có quyền khiếu nại về thời gian mà bị cáo đã bị tạm giam như đã nêu trên.

Về án phí: Bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự, cho nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh N phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

Áp dụng Khoản 3, Điều 155; Khoản 1, Điều 25 Bộ luật Hình sự; **các điểm a và b, khoản 1, Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 74; khoản 1 và các điểm a, đ, khoản 2, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự** và mục 1 của Công văn số 154/TANDTC-PC, ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao (về việc xử lý hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán thuốc lá điều nhập lậu trong nội địa):

Tuyên xử: Miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Minh N, về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại Khoản 3, Điều 155 Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước một điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số loại N1280.

Tuyên tịch thu để tiêu hủy một sim điện thoại di động, nhãn hiệu Vinaphone.

3. Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Trần Minh N phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Do bị cáo Trần Minh N được miễn trách nhiệm hình sự, cho nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo; NCLQ;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Cơ quan THAHS, Công an huyện CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhân